UBND TỈNH BẮC GIANG SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 92/HD-SNN	*Bắc Giang, ngày 17 tháng 8 năm 2018*

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu theo Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh về quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và thẩm quyền xét, công nhận, công bố thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Kế hoạch số 2356/KH-BCĐ ngày 19/7/2018 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG về triển khai thực hiện Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Sở Nông nghiệp và PTNT (Văn phòng điều phối tỉnh) tổng hợp, hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu theo Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang như sau:

I. QUY TRÌNH THỰC HIỆN

Bước 1: Kiện toàn bộ máy chỉ đạo, tổ chức thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu

Bước 2: Tổ chức thông tin tuyên truyền về thôn nông thôn mới kiểu mẫu và đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ cấp cơ sở

Bước 3: Rà soát đánh giá thực trạng, lập Phương án thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu, lấy ý kiến Phương án, phê duyệt Phương án

Bước 4: Tổ chức thực hiện Phương án

Bước 5: Giám sát, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện

1. Kiện toàn bộ máy chỉ đạo, tổ chức thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu

- UBND xã thực hiện kiện toàn Ban quản lý thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (gọi tắt là Ban quản lý xã), bổ sung nhiệm vụ chỉ đạo thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn.

- Ban quản lý xã hướng dẫn thôn thực hiện kiện toàn Ban phát triển thôn để tổ chức triển khai thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu, bổ sung thành viên là những người có năng lực, chuyên môn, uy tín tại cộng đồng (do nhân dân bầu). Ban quản lý xã tham mưu giúp UBND xã quyết định kiện toàn Ban phát triển thôn.

- Sau khi được kiện toàn, Ban phát triển thôn tổ chức họp, có mời Ban quản lý xã và các thành phần khác tham dự để thực hiện nội dung:

+ Phân công các thành viên trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện từng tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu (có thể phân theo nhóm công việc hoặc theo từng nhóm tiêu chí).

+ Bàn xây dựng khung kế hoạch, thời gian hoàn thành công việc theo yêu cầu của từng tiêu chí.

+ Xác định chỉ tiêu, tiêu chí do từng hộ gia đình thực hiện, tiêu chí do cộng đồng dân cư thực hiện hoặc nhóm hộ thực hiện.

2. Tổ chức thông tin tuyên truyền về thôn nông thôn mới kiểu mẫu và đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ cấp cơ sở

a) Thông tin, tuyên truyền

- Ban quản lý xã phối hợp với Ban phát triển thôn và tổ chức hội đoàn thể xã, thôn thực hiện tuyên truyền đến toàn thể người dân trong thôn (trường hợp thôn đông, rộng có thể chia theo xóm, hộ vắng cử cán bộ đến nhà để phổ biến) để làm các nội dung sau (cuộc họp lần 1):

+ Nêu rõ mục đích, ý nghĩa của việc thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu; quyền lợi và nghĩa vụ của người dân khi tham gia thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu; cơ chế chính sách hỗ trợ thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

+ Công bố quyết định kiện toàn Ban phát triển thôn để tổ chức thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu

+ Hướng dẫn, giải thích các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu đến mọi người dân trong thôn, những việc do hộ gia đình thực hiện, Ban phát triển thôn thực hiện, nhiệm vụ do hội, tổ chức đoàn thể thực hiện. Ban quản lý xã soạn mẫu bản cam kết của từng hộ gia đình tham gia thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu để người dân thảo luận và thống nhất ký và lưu lại Ban phát triển thôn.

+ Phân công hộ làm tổ trưởng theo từng ngõ, xóm hoặc nhóm hộ liền kề nhau (do nhóm hộ phân công hoặc do nhóm hộ bầu, có thể là đảng viên, người cao tuổi, người uy tín) để chịu trách nhiệm kết nối thường xuyên giữa Ban phát triển thôn và từng hộ gia đình.

- Việc tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, thông qua biên soạn đĩa tuyên truyền chuyên sâu cùng với hình thức tuyên truyền khác như hội họp trực tiếp, trên hệ thống loa truyền thanh của thôn, sinh hoạt chi bộ, sân khấu hóa, tờ rơi để kêu gọi sự chung tay góp sức của toàn xã hội nhất là con em xa quê có trách nhiệm xây dựng quê hương ngay từ gia đình mình và cộng đồng thôn xóm mình. Cuộc họp đầu tiên của Ban phát triển thôn và toàn thể nhân dân có mời Văn phòng điều phối cấp huyện, Ban quản lý xã tham gia.

b) Đào tạo tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ cấp cơ sở: Trong quá trình thực hiện, Văn phòng điều phối tỉnh, Văn phòng điều phối cấp huyện phối hợp tổ chức lớp tập huấn cho Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn, nội dung: Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu, hướng dẫn quy trình tổ chức thực hiện, cách thức thực hiện, cách lập Phương án thực hiện, giới thiệu mô hình tiêu biểu, cách làm sáng tạo tại các địa phương...

3. Khảo sát, đánh giá thực trạng, lập phương án xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu, lấy ý kiến Phương án, phê duyệt Phương án

a) Rà soát, đánh giá thực trạng và lập Phương án

- Ban quản lý xã hướng dẫn Ban phát triển thôn khảo sát, đánh giá thực trạng theo các tiêu chí trong Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và lập Phương án xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu *(Chi tiết có Đề cương Phương án kèm theo)*. Nội dung chủ yếu của Phương án là đánh giá đúng thực trạng và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Quá trình xây dựng Phương án, Ban phát triển thôn cần lưu ý: Phân công thành viên Ban phát triển thôn và tổ trưởng đến từng hộ gia đình vừa tuyên truyền, vận động, vừa xác định các công việc gia đình thực hiện trong lộ trình xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu như: Đề nghị hộ gia đình chỉnh trang lại công trình nhà ở, công trình phụ trợ (chăn nuôi, bếp, nhà tắm...), cải tạo vườn hộ gia đình, thực hiện phân loại rác thải, xác định đường giao thông người dân phải thực hiện... Đối với hộ gia đình khó khăn về lao động cần có phương án giúp đỡ, hỗ trợ hộ trong thực hiện. Khi Tổ công tác của Ban phát triển thôn làm việc cụ thể với chủ hộ thì phải ghi lại các nội dung công việc, lộ trình từng hộ phải thực hiện vào sổ và được hộ gia đình đồng ý ký vào sổ để thông tin tại cuộc họp lần 2.

- Trên cơ sở rà soát, đánh giá thực trạng, Ban phát triển thôn hoàn chỉnh Phương án lần 1

b) Lấy ý kiến về Phương án

- Ban quản lý xã hướng dẫn Ban phát triển thôn tổ chức họp nhân dân trong thôn (cuộc họp lần 2) để lấy ý kiến về Phương án (có biên bản cuộc họp) với điều kiện tại cuộc họp có ít nhất 80% số hộ trong thôn tham dự và có trên 90% số hộ dân tham dự cuộc họp đồng ý với Phương án. Tại cuộc họp lần 2 có mời Văn phòng điều phối cấp huyện, Ban quản lý xã tham gia để cho ý kiến về nội dung nguồn vốn thực hiện.

- Ngoài nội dung xin ý kiến Phương án, cần công bố các nội dung cơ bản từng hộ, từng xóm phải thực hiện để đạt các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và thời gian bắt đầu triển khai thực hiện.

c) Phê duyệt Phương án: Sau khi tiếp thu ý kiến của nhân dân, Ban phát triển thôn hoàn chỉnh Phương án, gửi Ban quản lý xã thẩm định và xin ý kiến tham gia của Văn phòng điều phối cấp huyện trước khi trình UBND xã phê duyệt Phương án, hồ sơ kèm theo gồm: Đơn đề nghị phê duyệt Phương án của Ban phát triển thôn, Phương án kèm theo dự toán chi tiết từng nội dung công việc, biên bản họp thôn.

4. Tổ chức thực hiện Phương án

- Ban phát triển thôn tổ chức thực hiện theo Phương án đã được UBND xã phê duyệt. Trong quá trình thực hiện Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn thường xuyên phối hợp Tổ trưởng của nhóm hộ tiến hành kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các hộ thực hiện nội dung đã thống nhất; đối với nội dung của từng hộ gia đình, Tổ trưởng của nhóm hộ phải có sổ nhật ký ghi các công việc đã làm của hộ, đối chiếu với bản kê công việc chủ hộ phải thực hiện.

- Hàng tháng Ban phát triển thôn tổ chức đánh giá tình hình thực hiện tại thôn, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cần tập trung giải quyết của từng hộ, nhóm hộ; xác định công việc trọng tâm tháng sau phải thực hiện.

5. Giám sát và báo cáo kết quả thực hiện: Ban quản lý xã, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể ở xã, thôn có trách nhiệm giám sát kết quả thực hiện. Ban phát triển thôn định kỳ hàng quý báo cáo kết quả về Ban quản lý xã để theo dõi.

II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ TRONG BỘ TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

1. Tiêu chí Giao thông: Thôn đạt chuẩn tiêu chí khi đáp ứng yêu cầu sau:

a) Đường trục thôn

- Có 100% đường trục thôn được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa), mặt đường rộng tối thiểu 3,5 m, trường hợp hiện trạng không thể mở rộng theo quy định thì thực hiện theo thực tế nhưng phải bố trí điểm tránh xe thuận lợi dọc tuyến; hành lang đường được sắp xếp gọn gàng, thông thoáng, không để vật liệu xây dựng, đồ đạc cản trở giao thông.

- Có 100% đường trục thôn trong khu đông dân cư có hệ thống đèn điện chiếu sáng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và mỹ quan, phù hợp với điều kiện kinh tế người dân. Tỷ lệ km đường trục thôn trong khu đông dân cư có hệ thống đèn chiếu sáng bằng tỷ lệ phần trăm giữa tổng số km đường trục thôn có hệ thống điện so với tổng số km đường trục thôn cần có hệ thống điện chiếu sáng.

- Từ 50% trở lên đường trục thôn được xanh hóa (trồng cây bóng mát, trồng hoa, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp). Trong quá trình làm đường giao thông nông thôn, các thôn dành một phần diện tích đất lề đường để trồng cây xanh; việc trồng cây không để ảnh hưởng đến an toàn giao thông, sản xuất, không làm hư hại đến công trình của nhân dân và các công trình công cộng (không trồng cây dễ đổ, gãy). Tùy điều kiện các tuyến đường mà chọn các loại cây xanh, cây bóng mát, hoa để trồng 01 hoặc 02 bên đường sao cho phù hợp với điều kiện của địa phương, khuyến khích trồng thống nhất một loại cây theo tuyến, cụm dân cư trong thôn. Đối với các tuyến đường do đặc thù không thể trồng được cây xanh (*như đường đã bê tông hóa không còn đất trống...*), hoặc đường đã có cây xanh tự nhiên (phải thường xuyên phát quang, cắt tỉa) thì các thôn linh hoạt trong việc trồng cây, xây bồn hoa hoặc để các chậu hoa hoặc vẽ tranh cho phù hợp nhưng phải bảo đảm mỹ quan, an toàn giao thông.

Tỷ lệ đường trục thôn được xanh hóa (trồng cây bóng mát, trồng hoa, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp) bằng tỷ lệ phần trăm giữa tổng số km đường trục thôn được xanh hóa so với tổng số km đường trục thôn cần được xanh hóa.

- Có 100% đường trục thôn trong khu đông dân cư có rãnh thoát nước dọc hoặc đảm bảo thoát nước tốt không gây ứ đọng nước trên bề mặt đường, không để nước thải chảy tràn ra đường mất vệ sinh môi trường.

Mỗi thôn cần xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước thải chung toàn thôn đảm bảo đồng bộ, kết nối với mạng lưới đường giao thông; định kỳ tổ chức làm vệ sinh, khai thông cống rãnh trong thôn; đối với nước thải chăn nuôi hộ gia đình cần được xử lý bằng các hình thức hầm biogas, hố lắng cạn, ao sinh học hoặc các hình thức khác đảm bảo hiệu quả trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của thôn hoặc thải ra môi trường.

- Các tuyến đường trục thôn được giao cho các tổ chức đoàn thể hoặc hộ gia đình đảm nhận tự quản để thực hiện quét dọn, phát quang, vệ sinh sạch sẽ thường xuyên; khuyến khích treo biển tổ chức đoàn thể đảm nhận tự quản tại các tuyến đường trục thôn.

b) Đường ngõ xóm

- Từ 90% trở lên tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa), mặt đường rộng tối thiểu 2,5 m; còn lại mặt đường sạch, không lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa, không để nước thải chảy tràn ra đường; không để vật liệu xây dựng, đồ đạc cản trở giao thông.

- Từ 90% trở lên tỷ lệ km đường ngõ, xóm có hệ thống đèn điện chiếu sáng đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và mỹ quan, phù hợp với điều kiện kinh tế người dân. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm có hệ thống đèn chiếu sáng bằng tỷ lệ phần trăm giữa tổng số km đường ngõ, xóm có hệ thống điện so với tổng số km đường ngõ, xóm cần có hệ thống điện chiếu sáng.

- Các tuyến đường ngõ, xóm được giao cho các tổ tự quản, hộ gia đình để giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo sạch đẹp; khuyến khích treo biển tổ tự quản đảm nhận tự quản tại các tuyến đường ngõ, xóm.

* Lưu ý: Đối với các tuyến đường trục thôn, ngõ, xóm đang sử dụng thì cần tuyên truyền, vận động người dân hiến đất, tường rào, vật kiến trúc để mở rộng các tuyến đường theo quy định. Nơi nào mặt đường hẹp, đã làm trước khi quy hoạch, không thể mở rộng theo quy định thì có thể cải tạo, tận dụng tối đa hiện trạng mà quỹ đất hiện có để làm đường vẫn được xác định đạt tiêu chí.

2. Tiêu chí Vệ sinh môi trường: Thôn đạt chuẩn tiêu chí khi đáp ứng yêu cầu sau:

a) Đường trục thôn, ngõ, xóm, nhà văn hóa thôn, từng hộ gia đình thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp

b) Có tổ vệ sinh môi trường hoạt động hiệu quả; rác thải được phân loại ngay từ hộ gia đình (rác hữu cơ - vô cơ); đổ rác đúng nơi và thời gian quy định, không có tình trạng vứt rác thải ra nơi công cộng; rác thải được thu gom, vận chuyển về nơi xử lý tập trung của thôn; không có điểm tồn lưu rác thải.

Thôn thành lập Tổ vệ sinh môi trường tại thôn, ban hành quy chế hoạt động, quy định rõ thời gian, ngày thu gom rác. Đối với các hộ gia đình vùng sâu, vùng xa tổ vệ sinh không thu gom được hoặc hộ gia đình có diện tích rộng có thể tự xử lý thì khuyến khích hình thức tự xử lý tại hộ gia đình theo hình thức chôn lấp, không đổ rác thải ra đường, ao hồ, sông suối, kênh mương. Tuyên truyền vận động người dân bố trí một số thùng đựng rác dọc tuyến đường để người dân bỏ rác; khuyến khích mỗi hộ gia đình có thùng đựng rác riêng ghi rõ rác hữu cơ, vô cơ để phân loại tại hộ gia đình. Quy hoạch điểm thu gom rác thải của thôn đồng bộ với điểm thu gom rác thải của xã để thu gom, vận chuyển về nơi tập trung hoặc điểm trung chyển rác đối với trường hợp vận chuyển rác lên xã, huyện; xóa bỏ các điểm tồn lưu rác trên địa bàn.

c) Hệ thống thoát nước, kênh mương, ao, hồ thường xuyên được khơi thông, luôn sạch rác thải: Hai tuần/lần, thôn tổ chức vận động người dân khơi thông hệ thống thoát nước, kênh mương, vớt rác thải tại ao, hồ.

d) Thôn xây dựng quy chế hàng tuần tổ chức 01 lần làm vệ sinh chung toàn thôn (đường làng, ngõ xóm, nhà văn hóa, khu thể thao thôn, chỉnh trang hàng rào, cây xanh ven đường), huy động mọi người dân trong thôn cùng tham gia.

e) Có 100% hộ gia đình đều có ý thức và tham gia bảo vệ môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường; 100% hội viên hội phụ nữ thực hiện có hiệu quả cuộc vận động gia đình 5 không, 3 sạch.

Ban phát triển thôn soạn mẫu cam kết không gây ô nhiễm môi trường để người dân tham gia, ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện cuộc vận động gia đình 5 không, 3 sạch do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động. Nội dung 5 không: Không đói nghèo, không vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội, không có bạo lực gia đình, không sinh con thứ ba trở lên, không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học. Nội dung 3 sạch: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ.

3. Tiêu chí Phát triển sản xuất: Thôn đạt tiêu chí khi đáp ứng yêu cầu sau:

a) Có tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm: Trên địa bàn thôn có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm dựa trên hợp đồng (hoặc phương án) liên kết giữa hộ nông dân (hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã) với doanh nghiệp, HTX, bếp ăn tập thể, tổ chức, cá nhân tiêu thụ sản phẩm...

b) Có tối thiểu 10% số hộ trong thôn có mô hình sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, tiểu thủ công nghiệp...) thu nhập bình quân trên 100 triệu đồng/năm.

Tỷ lệ hộ có mô hình sản xuất thu nhập bình quân trên 100 triệu đồng/năm bằng tỷ lệ phần trăm giữa số hộ có mô hình sản xuất thu nhập bình quân trên 100 triệu đồng/năm so với tổng số hộ trên địa bàn thôn.

c) Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn thôn theo chuẩn nghèo đa chiều đa chiều giai đoạn 2016-2020 dưới 4%. Hộ nghèo của thôn do thôn tổ chức bình xét, tổng hợp báo cáo Ban chỉ đạo giảm nghèo cấp xã để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận hộ nghèo.

Tỷ lệ hộ nghèo của thôn được tính bằng cách chia tổng số hộ nghèo của thôn (không bao gồm các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyết định công nhận sau các cuộc điều tra, rà soát định kỳ hằng năm trên địa bàn cho tổng số hộ dân cư trên địa bàn thôn (không bao gồm các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội) theo công thức sau đây:

$$\textit{Tỷ lệ hộ nghèo của thôn} = \frac{\textit{Tổng số hộ nghèo của thôn (đã trừ số hộ nghèo bảo trợ xã hội)}}{\textit{Tổng số hộ dân cư của thôn (đã trừ số hộ nghèo bảo trợ xã hội)}} \times 100\%$$

Trong đó: Hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội là hộ có ít nhất một thành viên trong hộ là đối tượng đang hưởng chính sách bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật và các thành viên khác trong hộ không có khả năng lao động, qua điều tra, rà soát hằng năm ở cơ sở đáp ứng các tiêu chí về xác định hộ nghèo

và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận, phân loại là hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội.

4. Nhà ở và vườn hộ gia đình: Thôn đạt tiêu chí khi đáp ứng yêu cầu sau.

a) Nhà ở và công trình phụ trợ

- Đồ đạc, vật dụng trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học

- Các công trình phụ trợ (bếp ăn, nhà tắm, công trình vệ sinh) được bố trí hợp mỹ quan, gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện sinh hoạt, thường xuyên được quét dọn vệ sinh sạch sẽ.

- Có 90% hộ có hộ chuồng trại chăn nuôi cách xa nhà ở (không nằm ở 2 bên từ cổng vào nhà), có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học đảm bảo không gây mùi hôi gây ô nhiễm môi trường. Có phương án và tổ chức di dời các chuồng trại chăn nuôi không đảm bảo mỹ quan, vệ sinh.

- Đường vào nhà được cứng hóa hoặc đảm bảo không lầy lội và mùa mưa, được quét dọn hàng ngày; khuyến khích dựng khung giàn trồng các loại cây leo có giá trị kinh tế, trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa, cây cảnh hai bên đường vào nhà tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp.

b) Vườn hộ gia đình

- Vườn hộ gia đình có quy hoạch và trồng các cây trồng thích hợp phục vụ sinh hoạt, cảnh quan hoặc sản xuất hàng hóa cho thu nhập; không để diện tích bỏ hoang, thường xuyên phát dọn, không còn các loại cây dại, tạp.

Các hộ gia đình tự đề xuất ý tưởng, với sự góp ý của cán bộ thôn, xã, trên cơ sở đó các hộ gia đình thực hiện cải tạo, chỉnh trang vườn hộ bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của từng hộ gia đình, quy hoạch, sắp xếp khu, vùng trồng các loại cây đảm bảo cung cấp thực phẩm hoặc sản phẩm hàng hóa, không để diện tích bỏ hoang, không còn các loại cây dại, tạp; đối với vườn hộ có diện tích từ 360m^2 trở lên khuyến khích gia đình có sơ đồ thiết kế vườn hộ (2D hoặc 3D), ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật (tưới tiết kiệm, tưới phun...).

- Sản phẩm từ vườn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; khuyến khích mô hình sử dụng các loại bẫy bả sinh học và thiên địch để bắt, xua đuổi côn trùng hại rau... hạn chế sử dụng thuốc BVTV...

5. Về cơ sở vật chất văn hóa: Thôn đạt tiêu chí khi đáp ứng yêu cầu sau:

a) Nhà văn hóa thôn

- Nhà văn hóa thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch (diện tích đất quy hoạch cho Nhà văn hóa là 300 m^2 trở lên đối với vùng đồng bằng, 200 m^2 trở lên đối với vùng miền núi; quy mô xây dựng Nhà văn hóa bảo đảm chỗ ngồi phù hợp với số hộ trong thôn, tối thiểu 80 chỗ ngồi); có đủ bàn ghế, trang thiết bị phục vụ họp, văn hóa, văn nghệ; có công trình vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo tiêu chuẩn

- Bên trong và khuôn viên nhà văn hóa thôn được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ; có quy chế quản lý, sử dụng nhà văn hóa thôn, có nội quy, quy ước, panô tuyên truyền nông thôn mới được treo gọn gàng, bảo đảm mỹ quan.

- Khuôn viên nhà văn hóa thôn có trồng cây xanh, cây bóng mát, cây hoa; nhà văn hóa thôn có tường rào, cổng, khuyến khích hàng rào bằng cây xanh, cây bóng mát hoặc hàng rào khác phủ cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp. Các thôn bố trí tỷ lệ đất hợp lý để trồng cây xanh, cây bóng mát, cây hoa; trường hợp nhà văn hóa thôn không bố trí được đất để trồng cây thì xây dựng bồn hoa, chậu hoa để tạo cảnh quan đẹp.

b) Khu thể thao thôn

- Khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch: Diện tích đất quy hoạch từ 2.000 m^2 trở lên; một số địa phương không bố trí được quỹ đất nếu có sân thể thao đơn giản (chưa kể diện tích sân bóng) từ 300 m^2 trở lên vẫn được tính có khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định.

- Trồng cây bóng mát, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp quanh khu thể thao thôn.

- Có trang bị dụng cụ luyện tập thể thao đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi như: Sân cầu lông, bóng chuyền, bàn đánh cờ, dụng cụ luyện tập thể dục thể thao, đu quay, xích đu, xà đơn...

6. Tiêu chí Văn hóa, y tế: Thôn đạt tiêu chí khi đáp ứng yêu cầu sau.

a) Văn hóa

- Từ 95% trở lên tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu Gia đình văn hóa do Chủ tịch UBND cấp xã công nhận.

- Thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn văn hóa do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận liên tục từ 05 (năm) năm trở lên.

- Có câu lạc bộ (đội, nhóm) văn nghệ, thể thao của thôn hoạt động thường xuyên do Ban phát triển thôn thành lập; tối thiểu 80% số hộ, hội viên, đoàn viên tham gia các phong trào, hoạt động cộng đồng do địa phương phát động như vệ sinh môi trường, thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ, ngày vì người nghèo...

- Có 100% hộ gia đình trong thôn thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

b) Y tế

- Có 100% tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế là tỷ lệ phần trăm giữa số người dân trong thôn có thẻ Bảo hiểm y tế còn hiệu lực trên tổng số dân trong thôn.

- Không phát sinh thêm đối tượng mắc bệnh xã hội theo quy định trong năm xét công nhận.

7. Tiêu chí Hệ thống chính trị, An ninh, trật tự xã hội: Thôn đạt tiêu chí khi đáp ứng yêu cầu:

a) Chi bộ thôn đạt danh hiệu "trong sạch vững mạnh" 05 năm liên tiếp đến năm xét, công nhận do Ban chấp hành đảng bộ xã xét, công nhận hàng năm.

b) Trong 02 năm liên tục (tính đến thời điểm xét, công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu) an ninh trật tự được đảm bảo. Hằng năm, Chi bộ thôn đưa nội dung công tác bảo đảm an ninh trật tự vào Nghị quyết; Thôn có đăng ký

và đạt tiêu chuẩn an toàn về An ninh trật tự theo quy định tại Thông tư số 23/2012/TT-BCA ngày 27/4/2012 của Bộ Công an quy định về khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn "*An toàn về an ninh, trật tự*" cũng như xây dựng khu dân cư không có tệ nạn ma túy. Tổ chức xây dựng, duy trì hoạt động có hiệu quả các mô hình tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở.

Không có khiếu kiện đông người, kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Không có các vụ phạm pháp hình sự xảy ra; không có cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái phép. Không có tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội; không có người trồng cây có chứa chất ma túy; không có người nghiện ma túy và không có người phạm tội về ma túy.

c) Có từ 90% tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm pháp luật, quy ước, hương ước của địa phương, không có cá nhân bị phê bình, cảnh cáo trước nhân dân trong năm xét công nhận. Các thôn xây dựng quy ước, hương ước cộng đồng theo quy định tại Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước.

III. QUY TRÌNH XÉT, CÔNG NHẬN VÀ CÔNG BỐ THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

1. Nguyên tắc thực hiện

a) Việc đánh giá, xét công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu phải được thực hiện thường xuyên, liên tục hàng năm, đảm bảo nguyên tắc công khai dân chủ, minh bạch, đúng trình tự, thủ tục, tránh hình thức.

b) Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong thực hiện tiêu chí và quá trình xét, công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Thẩm quyền công nhận và công bố thôn nông thôn mới kiểu mẫu

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung là Chủ tịch UBND cấp huyện) quyết định công nhận, công bố thôn nông thôn mới kiểu mẫu và công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Thời gian tổ chức công bố thôn nông thôn mới kiểu mẫu do thôn, xã và huyện thống nhất thời gian tổ chức đảm bảo sự tham gia đông đảo của người dân, nhưng không quá 60 ngày kể từ ngày quyết định công nhận. Việc tổ chức công bố thôn nông thôn mới kiểu mẫu do UBND cấp xã thực hiện đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, không phô trương.

3. Điều kiện công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu

a) Thôn có bản đăng ký thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu *(theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Hướng dẫn này)* và được UBND cấp xã xác nhận đưa vào kế hoạch, gửi UBND cấp huyện (qua Văn phòng điều phối cấp huyện) trước ngày 25/10 năm trước năm kế hoạch. UBND cấp huyện tổng hợp danh sách thôn thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn, gửi Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Văn phòng điều phối tỉnh) đưa vào kế hoạch phân bổ nguồn vốn hỗ trợ trước ngày 30/10 năm trước năm kế hoạch.

b) Hoàn thành 100% số tiêu chí theo Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh.

c) Hoàn thành đầy đủ thủ tục đề nghị công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu đúng thời gian quy định.

4. Trình tự, thủ tục công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu

Bước 1: Ban phát triển thôn tự tổ chức đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

a) Khi thấy đủ điều kiện đạt đủ các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu, Ban phát triển thôn tổ chức rà soát đánh giá kết quả thực hiện từng tiêu chí; xây dựng báo cáo đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí.

b) Ban phát triển thôn thông báo kết quả thực hiện các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại Nhà văn hóa thôn, hệ thống loa truyền thanh của thôn để lấy ý kiến tham gia của nhân dân. Ban phát triển thôn hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu sau khi đã tiếp thu ý kiến. Ban phát triển thôn lập 02 bộ hồ sơ (gồm 01 bản chính và 01 bản sao) nộp trực tiếp UBND xã đề nghị kiểm tra, xét công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu, hồ sơ gồm:

- Văn bản của Ban phát triển thôn đề nghị kiểm tra kết quả thực hiện của thôn *(theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Hướng dẫn này)*.

- Báo cáo của Ban phát triển thôn về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thôn *(theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Hướng dẫn này)*.

c) Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: UBND cấp xã

Bước 2: UBND cấp xã tổ chức kiểm tra, đề nghị xét công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu

a) Sau khi nhận được đề nghị của Ban phát triển thôn; UBND cấp xã giao Ban quản lý xã tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả mức độ đạt từng tiêu chí của thôn (Ban quản lý xã xây dựng báo cáo kết quả thực hiện thôn nông thôn mới của thôn, báo cáo UBND xã) và trả lời bằng văn bản cho Ban phát triển thôn về kết quả kiểm tra, đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí.

- UBND xã gửi báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu của các thôn để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận tổ quốc cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội của xã để hoàn thiện báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Mặt trận tổ quốc xã chủ trì, phối hợp Ban công tác Mặt trận thôn, tổ chức đoàn thể thôn tiến hành lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn đối với việc đề nghị công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu *(theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Hướng dẫn này)*. Kết quả việc đánh giá sự hài lòng của người dân phải được thực hiện trên 80% số hộ gia đình trong thôn tham gia và chỉ được công nhận khi trên 90% số người được hỏi hài lòng với kết quả xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Căn cứ kết quả kiểm tra thôn đạt các tiêu chí theo Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu; Ban quản lý xã tham mưu UBND xã trình UBND cấp huyện thẩm định, xét công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu, hồ sơ 01 bộ bao gồm:

- Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm định, xét công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu *(theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Hướng dẫn này).*

- Báo cáo của UBND xã kiểm tra, đánh giá kết quả mức độ đạt từng tiêu chí của thôn *(theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Hướng dẫn này).*

- Hồ sơ của thôn đề nghị UBND xã kiểm tra, đánh giá

c) Đơn vị tiếp nhận: Văn phòng điều phối cấp huyện

Bước 3: Tổ chức thẩm định, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

a) Sau khi nhận được đề nghị của UBND xã, UBND cấp huyện thành lập Đoàn thẩm định (thành phần gồm: Trưởng phòng Nông nghiệp PTNT hoặc Phòng Kinh tế làm Trưởng Đoàn thẩm định; thành viên là đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện được giao phụ trách tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu, Văn phòng điều phối cấp huyện) để giúp UBND cấp huyện thẩm định kết quả hoàn thành các tiêu chí theo Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

b) Đoàn thẩm định của huyện tiến hành thẩm định thực tế tại thôn, xây dựng báo cáo thẩm định và trả lời bằng văn bản cho UBND xã về kết quả thẩm định, đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí của từng thôn. Riêng đối với 09 thôn thực hiện làm điểm, sau khi có kết quả thẩm định, UBND cấp huyện có văn bản gửi Văn phòng điều phối tỉnh tham gia ý kiến trước khi quyết định công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

Hồ sơ trình Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu gồm:

- Tờ trình của Phòng Nông nghiệp và PTNT hoặc Phòng Kinh tế đề nghị xét, công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Báo cáo của Đoàn thẩm định về thẩm định các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

c) Mẫu giấy công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (*theo mẫu số 07 ban hành kèm theo Hướng dẫn này).*

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các hộ dân tham gia thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu

- Chủ động đề xuất phương án chỉnh trang nhà cửa, cổng, tường rào, các công trình phụ trợ, cải tạo vườn tạp, di dời truồng trại.. của hộ gia đình.

- Cam kết thực hiện đúng, đủ các nội dung đảm bảo tiến độ, thời gian cụ thể và trực tiếp thực hiện theo phương án đề xuất đã được duyệt với tinh thần tự nguyện, tự giác, chủ động. Cam kết đối ứng kinh phí của gia đình, kết hợp với kinh phí hỗ trợ của nhà nước các nội dung theo phương án đề xuất được duyệt.

- Tăng cường và chủ động bàn bạc, thảo luận, để xuất phương án thực hiên nội dung công việc chung trong trong thôn; tham gia nhiệt tình, có trách nhiệm để thực hiện các nội dung công việc chung trong thôn.

2. Thôn thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu

- Chủ động xây dựng nội dung, phương án, kế hoạch, dự toán thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế tại địa bàn với phương châm dân biết, dân bàn, dân quyết định, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng lợi, nhà nước và các tổ chức chỉ định hướng, hỗ trợ và giúp đỡ.

- Tuyên truyền sâu rộng mục đích, ý nghĩa, mục tiêu, kế hoạch thực hiện xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng các phong trào trong các Hội, đoàn thể và toàn dân chung sức xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Chủ động thực hiện các nội dung thuộc trách nhiệm của thôn, cần ưu tiên các công việc như: Chỉnh trang đường làng, ngõ xóm tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp; hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các hộ gia đình trong thôn chỉnh trang nhà ở, vườn hộ và chuồng trại theo đúng tiến độ, kế hoạch.

- Lựa chọn chỉ tiêu hoặc tiêu chí nổi trội nhất trong 07 tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu để tạo mô hình mẫu của địa phương; kiểm tra, giám sát, đôn đốc, và nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện từng nội dung công việc đã hoàn thành của thôn và các hộ trong thôn.

3. UBND xã có thôn thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu

- Thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 2356/KH-BCĐ ngày 19/7/2018 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG về triển khai thực hiện Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, tìm kiếm, kêu gọi huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp ủng hộ, hỗ trợ xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Động viên, khen thưởng kịp thời những cá nhân, hộ gia đình điển hình, tiêu biểu trong xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

4. UBND các huyện, thành phố

- Thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 2356/KH-BCĐ ngày 19/7/2018 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG về triển khai thực hiện Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Chỉ đạo Văn phòng điều phối, các phòng ban, tổ chức liên quan tư vấn, hỗ trợ, góp ý xã, thôn thực hiện các nội dung liên quan đến chuyên môn phụ trách trong suốt quá trình triển khai xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn đề nghị UBND các huyện, thành phố phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Văn phòng điều phối tỉnh) để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Lưu VT, VPĐP.

Bản điện tử:
- Như trên;
- PCT UBND tỉnh Dương Văn Thái;
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Văn phòng điều phối các huyện, thành phố (chuyển đến xã, thôn thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Doanh

XÂY DỰNG THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU VỚI PHƯƠNG CHÂM

1. Chung sức - Chung lòng

2. Cách làm mới - Tư duy mới

3. Nhà sạch - Bếp sạch - Vườn sạch - Đường sạch

4. Vườn xanh - Đường xanh - Công trình công cộng xanh

5. Không đói nghèo - Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội - Không bạo lực gia đình - Không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học

6. Nếp sống đẹp - Nhà đẹp - Vườn đẹp - Ngõ đẹp - Đường đẹp - Nhà văn hóa đẹp.

7. Sạch về môi trường - Đẹp về cảnh quan - Mạnh về kinh tế - Ổn định về quốc phòng an ninh.

8. Giao thông chuẩn - Vệ sinh môi trường đạt chuẩn - Phát triển sản xuất đạt chuẩn - Nhà ở và vườn hộ gia đình đạt chuẩn - Nhà văn hóa, khu thể thao thôn đạt chuẩn - Văn hóa, y tế đạt chuẩn - Hệ thống chính trị, an ninh trật tự đạt chuẩn

9. Vườn có quy hoạch - Có sản phẩm sạch - Có điện chiếu sáng đường giao thông - Có hệ thống thoát nước trong khu dân cư - Có Hương ước, quy ước - Có câu lạc bộ văn nghệ, thể thao - Có tuyến đường hoa, cây xanh, cây bóng mát

10. Quy chế tốt - Chấp hành tốt - Sản xuất tốt - Môi trường tốt - Đoàn kết tốt - Dân chủ tốt - Hạ tầng tốt - An ninh tốt./.

PHỤC LỤC I

BAN PHÁT TRIỂN THÔN.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐỀ CƯƠNG
PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU TẠI THÔN....., XÃ....., HUYỆN.....
(Kèm theo Hướng dẫn số 982/HD-SNN ngày 10 /8/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Căn cứ Hướng dẫn số /HD-SNN ngày / /2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu theo Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Ban phát triển thôn.... xây dựng Phương án xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu năm... như sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Địa điểm thực hiện:.....

2. Tổng diện tích tự nhiên của thôn:.....

3. Số hộ của thôn:.....; dân số.....; lao động trong độ tuổi lao động.....; lao động nông nghiệp.....; lao động phi nông nghiệp.....

4. Thời gian thực hiện: Từ ngày....tháng...năm đến ngày....tháng...năm...

5. Tổ chức, đơn vị thực hiện: Thôn....., Xã....., Huyện....

6. Tổng kinh phí thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu:.... triệu đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương, tỉnh..... triệu đồng, Ngân sách huyện (thành phố)....triệu đồng, ngân sách xã....triệu đồng, đối ứng người dân...triệu đồng, nguồn vốn khác....triệu đồng

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

A. Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng

1. Hệ thống giao thông

1.1. Đường trục chính thôn

- Tổng số km đường trục thôn:....km; số km đã được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa)....km, tỷ lệ...%; số km đảm bảo mặt đường rộng tối thiểu 3,5 m....km; số km mặt đường dưới 3,5 m...km.

- Tổng số km đường trục thôn trong khu đông dân cư...km; số km đường đã có điện chiếu sáng...km, tỷ lệ...%.

- Tổng số km đường trục thôn...km; số km đường đã được xanh hóa (trồng cây bóng mát, trồng hoa, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp)...km, tỷ lệ...%; số km đường có thể trồng cây bóng mát, trồng hoa, cây xanh...km

- Tổng số km đường trong khu đông dân cư đã có mương thoát nước...km

- Tổng số tuyến đường trục thôn...tuyến; số tuyến đường đã giao cho các tổ chức đoàn thể hoặc hộ gia đình đảm nhận...tuyến.

1.2. Đường ngõ, xóm

- Tổng số km đường ngõ, xóm:....km; số km đã được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa)....km, tỷ lệ...%; số km đảm bảo mặt đường rộng tối thiểu 2,5m....km; số km mặt đường dưới 2,5m...km.

- Tổng số km đường ngõ, xóm...km; số km đường đã có điện chiếu sáng...km, tỷ lệ...%

- Tổng số tuyến đường ngõ, xóm...tuyến; số tuyến đường đã giao cho các tổ chức đoàn thể hoặc hộ gia đình đảm nhận...tuyến.

2. Vệ sinh môi trường

- Đường trục thôn, ngõ, xóm, nhà văn hóa, từng hộ gia đình thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ chưa? Cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp chưa?

- Đã thành lập tổ vệ sinh môi trường chưa? Đã phân loại rác thải từ hộ gia đình chưa? Có tình trạng vứt rác thải ra nơi công cộng không? Hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải? Có điểm tồn lưu rác thải?

- Hệ thống thoát nước, kênh mương, ao, hồ có thường xuyên được khơi thông, sạch rác thải?

- Hoạt động thu gom rác thải tại thôn?

- Số hộ có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường? Số hội viên hội phụ nữ thực hiện cuộc vận động gia đình "5 không, 3 sạch"?

3. Phát triển sản xuất

- Số mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm?

- Số hộ có mô hình sản xuất thu nhập bình quân trên 100 triệu đồng/năm (trong đó mô hình trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản....)

- Số hộ nghèo, hộ cận nghèo, các đối tượng bảo trợ xã hội...?

4. Nhà ở và vườn hộ gia đình

4.1. Nhà ở và công trình phụ trợ

- Việc sắp xếp, dọn vệ sinh trong nhà (đã/chưa gọn gàng, ngăn nắp), ý thức của chủ hộ?

- Tổng số công trình phụ trợ...công trình; số công trình phụ trợ đã đảm bảo gọn gàng, ngăn nắp...công trình; số công trình cần chỉnh trang...công trình;

- Tổng số chuồng trại chăn nuôi....chuồng; số chuồng trại chăn nuôi nằm cách xa nhà ở...chuồng; số chuồng trại cần di dời đảm bảo vệ sinh...chuồng; số chuồng trại đã có hầm biogas hoặc chế phẩm sinh học...chuồng;

- Số hộ có đường vào nhà được cứng hóa hoặc đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa? Số hộ có dựng khung giàn trồng các loại cây leo có giá trị hoặc hàng rào cây xanh, trồng hoa, cây cảnh hai bên đường vào nhà?

4.2. Vườn hộ gia đình

- Số hộ có vườn...hộ; số hộ có vườn diện tích rộng từ 360 m^2 trở lên...hộ; số hộ có vườn đã được chỉnh trang (không có cây tạp, dại)....hộ; số hộ cần chỉnh trang lại vườn hộ gia đình....hộ; số hộ đã áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào vườn hộ gia đình...hộ;

- Số hộ có vườn sử dụng thuốc thảo mộc hoặc bẫy côn trùng hoặc không sử dụng thuốc BVTV...hộ; số hộ có vườn sử dụng thuốc BVTV đúng cách...hộ

5. Nhà văn hóa, Khu thể thao thôn

5.1. Nhà văn hóa thôn

- Đã có nhà văn hóa thôn chưa? Đạt chuẩn chưa? Có đầy đủ bàn ghế, trang thiết bị? có công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn chưa?

- Bên trong và khuôn viên nhà văn hóa đã đảm bảo gọn gàng chưa? lắp bảng tuyên truyền về thôn nông thôn mới kiểu mẫu?

- Đã có cây xanh, cây bóng mát, hoa tại khuôn viên nhà văn hóa chưa? Tường rào, cổng, hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác phủ cây xanh?

5.2. Khu thể thao thôn

- Đã có khu thể thao thôn đạt chuẩn chưa? hay có điểm sinh hoạt thể thao?

- Trồng cây bóng mát, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp xung quanh khu thể thao thôn chưa?

- Dụng cụ luyện tập thể thao như sân cầu lông, bóng chuyền, bàn đánh cờ, đu quay...

6. Văn hóa, y tế

6.1. Văn hóa

- Số hộ đạt gia đình văn hóa...hộ, tỷ lệ...%

- Thôn văn hóa (số năm, có mấy năm liên tục, bắt đầu từ nào nào)?

- Đã có câu lạc bộ (đội, nhóm) văn nghệ, thể thao chưa?; thu hút bao nhiêu hộ gia đình, hội viên tham gia?

- Số hộ thực hiện tốt quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội....hộ, tỷ lệ...%.

6.2. Y tế

- Tỷ lệ hộ dân có BHYT (bắt buộc, tự nguyên, chế độ bảo trợ xã hội)

- Số người mắc bệnh xã hội...người

7. Hệ thống chính trị, An ninh trật tự xã hội

- Chi bộ đạt trong sạch vững mạnh (số năm, có mắc năm liên tục, bắt đầu từ năm nào)?

- Tình hình an ninh trật tự; tình hình khiếu nại, khiếu kiện; các tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội, việc xử lý; các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật?

- Số người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, thực hiện tốt quy ước, hương ước của cộng đồng...người, tỷ lệ...%

- Chi tiết đánh giá thực trạng mức độ đạt tiêu chí so với Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu quy định tại Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang theo Biểu 01 kèm theo

B. Lập Phương án xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu

1. Hệ thống giao thông

1.1. Đường trục thôn

- Số km đường trục thôn cần cứng hóa...km

- Số km đường trục thôn cần tuyên truyền vận động người dân để đảm bảo mặt đường rộng tối thiểu 3,5m...km

- Số km đường trục thôn cần tận dụng 2 bên lề đường...km

- Số km đường trục thôn trong khu đông dân cư cần lắp điện chiếu sáng...km? số cột điện cần lắp bóng...cột; số bóng điện...bóng;

- Số km đường trục thôn cần được xanh hóa...km; số bồn cây hoặc chậu hoa đặt tại tuyến đường không thể trồng được cây xanh.... bồn, chậu; số lượng giống cây xanh, hoa...cây, hạt?

- Số km mương thoát nước cần xây dựng, cải tạo...km

- Số tuyến đường cần giao cho tổ chức, hộ gia đình tự quản...tuyến

* Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trước....ngày....tháng...năm...

1.2. Đường ngõ xóm

- Số km đường ngõ xóm cần cứng hóa...km

- Số km đường ngõ xóm cần tuyên truyền vận động người dân để đảm bảo mặt đường rộng tối thiểu 2,5m...km

- Số km đường ngõ xóm cần lắp điện chiếu sáng...km? số cột điện cần lắp bóng...cột; số bóng điện...bóng;

- Số tuyến đường cần giao cho tổ chức, hộ gia đình tự quản...tuyến

* Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trước....ngày....tháng...năm...

2. Vệ sinh môi trường

- Số đường trục thôn, ngõ, xóm, nhà văn hóa thôn, hộ gia đình cần được vệ sinh sạch sẽ?

- Số tổ vệ sinh cần thành lập? số người?

- Số hộ cần có thùng đựng rác để phân loại rác thải?

- Số thùng đựng rác cần đặt dọc tuyến đường?

- Khu thu gom rác thải tập trung của thôn cần xây dựng?

- Số điểm tồn lưu rác thải cần xóa bỏ?

- Số kênh mương, hệ thống thoát nước, ao hồ cần khơi thông?

- Số hộ cần ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường?

* Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trước....ngày....tháng...năm...

3. Phát triển sản xuất

- Số mô hình cần xây dựng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm? quy mô? ở đâu?

- Số hộ cần xây dựng mô hình sản xuất cho thu nhập bình quân trên 100 triệu đồng/năm? Cụ thể hộ? ở đâu?

- Số hộ nghèo cần giảm?

* Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trước....ngày....tháng...năm...

4. Nhà ở và vườn hộ gia đình

4.1. Nhà ở và công trình phụ trợ

- Số hộ cần phải sắp xếp đồ đạc, vật dụng trong nhà đảm bảo gọn gàng?

- Số công trình phụ trợ cần di dời đảm bảo mỹ quan...hộ?

- Số công trình chuồng trại chăn nuôi cần di dời đảm bảo hợp vệ sinh... công trình? Số chuồng trại chăn nuôi cần xây dựng hầm biogas hoặc chế phẩm sinh học?

- Số hộ cần cứng hóa từ đường vào nhà? Số hộ cần làm khung dàn trồng các loại cây leo, trồng hoa hai bên đường vào nhà?

* Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trước....ngày....tháng...năm...

4.2. Vườn hộ gia đình

- Số hộ cần vẽ quy hoạch vườn (2D, 3D)

- Số hộ cần áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật

- Số hộ cần chỉnh trang, sắp xếp lại vườn hộ gia đình?

- Số hộ có vườn sản phẩm cần đảm bảo an toàn vệ sinh?

* Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trước....ngày....tháng...năm...

5. Nhà văn hóa, Khu thể thao thôn

5.1. Nhà văn hóa

- Nhà văn hóa thôn cần xây dựng? công trình vệ sinh cần xây dựng (quy mô); số trang thiết bị, bàn ghế cần mua mới, nâng cấp? số bảng tuyên truyền?

- Số lượng giống cây hoa, cây xanh, cây bóng mát trồng khuôn viên nhà văn hóa thôn? tường rào, cổng cần xây dựng?

* Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trước....ngày....tháng...năm...

5.2. Khu thể thao thôn

- Khu thể thao thôn cần xây dựng?

- Số lượng giống cây hoa, cây xanh, cây bóng mát trồng xung quanh khu thể thao thôn?

- Dụng cụ thể dục thể thao cần trang bị, nâng cấp?

* Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trước....ngày....tháng...năm...

6. Văn hóa, y tế

6.1. Văn hóa

- Số hộ cần đạt Gia đình văn hóa?

- Số năm cần đạt thôn văn hóa?

- Thành lập câu lạc bộ văn nghệ, thể thao?

* Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trước....ngày....tháng...năm...

6.2. Y tế

- Số người dân cần tham gia BHYT?

- Số người mắc bệnh xã hội cần giảm?

* Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trước....ngày....tháng...năm...

7. Hệ thống chính trị, an ninh trật tự

- Số năm Chi bộ thôn cần đạt trong sạch vững mạnh?

- Số năm an ninh trật tự cần đảm bảo? số vụ án cần giảm?...

- Số người dân cần chấp hành pháp luật, hương ước, quy ước?

* Thời gian thực hiện: Hoàn thành xong trước....ngày....tháng...năm...

C. Kinh phí thực hiện

1. Căn cứ lập dự toán

2. Dự toán kinh phí

- Kinh phí từng hạng mục; kế hoạch thực hiện; xác định nguồn, trong đó chú trọng các nguồn lồng ghép hiện có trên địa bàn như Chương trình giao thông nông thôn, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp văn hóa- y tế, sự nghiệp phát triển sản xuất trong nông thôn mới, giảm nghèo... và nguồn trực tiếp hỗ trợ cho thôn nông thôn mới kiểu mẫu

- Chi tiết tổng hợp theo Biểu 02 kèm theo

III. Tổ chức thực hiện Phương án

1. Hộ gia đình

2. Ban phát triển thôn

3. UBND, Ban quản lý xã

Trên đây là Phương án xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu của thôn...., xã...., huyện.... trình UBND xã .....phê duyệt./.

Nơi nhận:
-
-....

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG THÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 01

BIỂU RÀ SOÁT THỰC TRẠNG BỘ TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
TẠI THÔN..... XÃ ..... HUYỆN.....

(Kèm theo Hướng dẫn số: 981 /HD-SNN ngày 10/8/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Đạt chuẩn hoặc chưa đạt chuẩn (Đạt/Chưa)	Mức độ đạt được của tiêu chí*	Nội dung cần thực hiện để đạt chuẩn
1	Giao thông	1.1. Đường trục thôn				
		- Tỷ lệ km đường trục thôn được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa), mặt đường rộng tối thiểu 3,5 m, trường hợp hiện trạng không thể mở rộng theo quy định thì thực hiện theo thực tế nhưng phải bố trí điểm tránh xe thuận lợi dọc tuyến	100%			
		- Tỷ lệ km đường trục thôn trong khu đông dân cư có điện chiếu sáng	100%			
		- Tỷ lệ km đường trục thôn được xanh hóa (trồng cây bóng mát, trồng hoa, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp)	≥ 50%			
		- Tỷ lệ km đường trục thôn trong khu đông dân cư có rãnh thoát nước dọc hoặc đảm bảo thoát nước tốt không gây ứ đọng	100%			
		- Các tuyến đường trục thôn được giao cho các tổ chức đoàn thể hoặc hộ gia đình đảm nhận tự quản để thực hiện quét dọn, phát quang, vệ sinh sạch sẽ thường xuyên	Đạt			
		1.2. Đường ngõ, xóm				
		- 90% đường ngõ, xóm được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa), mặt đường rộng tối thiểu 2,5 m; còn lại mặt đường sạch, không lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa	Đạt			
		- Tỷ lệ km đường ngõ xóm có điện chiếu sáng	≥ 90%			
		- Các tuyến đường ngõ, xóm được giao cho các tổ tự quản, hộ gia đình để giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo sạch đẹp	Đạt			
2	Vệ sinh môi trường	2.1. Đường trục thôn, ngõ, xóm, nhà văn hóa thôn, từng hộ gia đình thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp	Đạt			
		2.2. Có tổ vệ sinh môi trường hoạt động hiệu quả; rác thải được phân loại ngay từ hộ gia đình (rác hữu cơ - vô cơ); đổ rác đúng nơi và thời gian quy định, không có tình trạng vứt rác thải ra nơi công cộng; rác thải được thu gom, vận chuyển về nơi xử lý tập	Đạt			
		2.3. Hệ thống thoát nước, kênh mương, ao, hồ thường xuyên được khơi thông, luôn sạch rác thải	Đạt			
		2.4. Hàng tuần tổ chức tối thiểu 01 lần làm vệ sinh chung toàn thôn (đường làng, ngõ xóm, nhà văn hóa, khu thể thao thôn, chỉnh trang hàng rào, cây xanh ven đường)	Đạt			
		2.5. 100% hộ gia đình đều có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường; 100% hội viên hội phụ nữ thực hiện có hiệu quả cuộc vận động gia đình "5 không, 3 sạch"	Đạt			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Đạt chuẩn hoặc chưa đạt chuẩn (Đạt/Chưa)	Mức độ đạt được của tiêu chí*	Nội dung cần thực hiện để đạt chuẩn
3	Phát triển sản xuất	3.1. Có tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm	Đạt			
		3.2. Có tối thiểu 10% số hộ trong thôn có mô hình sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản...) thu nhập bình quân trên 100 triệu đồng/năm	Đạt			
		3.3. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn thôn theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤ 4%			
4	Nhà ở và vườn hộ gia đình	4.1. Nhà ở và công trình phụ trợ				
		- Đồ đạc, vật dụng trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học	Đạt			
		- Các công trình phụ trợ (bếp ăn, nhà tắm, công trình vệ sinh) được bố trí hợp mỹ quan, gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện sinh hoạt, thường xuyên được quét dọn vệ sinh sạch sẽ	Đạt			
		- Tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi cách xa nhà ở (không nằm ở 2 bên từ cổng vào nhà), có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học đảm bảo không có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường	≥ 90			
		- Đường vào nhà được cứng hóa hoặc đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa, được quét dọn hàng ngày, khuyến khích dựng khung giàn trồng các loại cây leo có giá trị kinh tế, trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa, cây cảnh hai bên đường vào nhà	Đạt			
		4.2. Vườn hộ gia đình				
		- Vườn hộ gia đình có quy hoạch và trồng các cây trồng thích hợp phục vụ sinh hoạt, cảnh quan hoặc sản xuất hàng hóa cho thu nhập cao; không để diện tích bỏ hoang, thường xuyên phát dọn, không còn các loại cây dại, tạp	≥ 90			
		- Sản phẩm từ vườn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Đạt			
5	Nhà văn hóa, Khu thể thao thôn	5.1. Nhà văn hóa thôn				
		- Nhà văn hóa thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch; có đủ bàn ghế, trang thiết bị phục vụ họp, văn hóa, văn nghệ; có công trình vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo tiêu chuẩn	Đạt			
		- Bên trong và khuôn viên nhà văn hóa thôn được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ; có quy chế quản lý, sử dụng nhà văn hóa thôn, có nội quy, quy ước, pano tuyên truyền nông thôn mới	Đạt			
		- Khuôn viên nhà văn hóa thôn có trồng cây xanh, cây bóng mát, hoa; nhà văn hóa thôn có tường rào, cổng, khuyến khích hàng rào bằng cây xanh, cây bóng mát hoặc hàng rào khác phủ cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp	Đạt			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Đạt chuẩn hoặc chưa đạt chuẩn (Đạt/Chưa)	Mức độ đạt được của tiêu chí*	Nội dung cần thực hiện để đạt chuẩn
		5.2. Khu thể thao thôn				
		- Khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch	Đạt			
		- Trồng cây bóng mát, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp xung quanh khu thể thao thôn	Đạt			
		- Có trang bị dụng cụ luyện tập thể thao đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi				
6	Văn hóa, y tế	6.1. Văn hóa				
		- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa	≥ 95%			
		- Thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn văn hóa 05 năm liên tục đến năm xét, công nhận	Đạt			
		Có câu lạc bộ (đội, nhóm) văn nghệ, thể thao hoạt động thường xuyên; tối thiểu 80% số hộ, hội viên, đoàn viên tham gia các phong trào, hoạt động cộng đồng do địa phương phát động	Đạt			
		100% hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội	Đạt			
		6.2. Y tế				
		- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	100%			
		- Không phát sinh thêm đối tượng mắc bệnh xã hội trong năm xét công nhận	Đạt			
7	Hệ thống chính trị, An ninh trật tự xã hội	7.1. Chi bộ thôn đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh 05 năm liên tiếp đến năm xét, công nhận	Đạt			
		7.2. Trong 02 năm liên tục (tính đến thời điểm xét, công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu) an ninh trật tự được đảm bảo, không có vụ việc hình sự xảy ra, không có cá nhân hoạt động chống đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái phép, tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; có mô hình tự quản bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt			
		7.3. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm pháp luật, quy ước, hương ước của địa phương, không có cá nhân bị phê bình, cảnh cáo trước nhân dân trong năm xét công nhận	Đạt			

Ghi chú:

(*): Nếu đã đạt chuẩn thì ghi đạt mức độ đạt tiêu chí 100%. Nếu chưa đạt chuẩn thì ước mức độ là bao nhiêu %.

BAN PHÁT TRIỂN THÔN **NGƯỜI LẬP BIỂU**

Biểu 02

KHUNG KẾ HOẠC XÂY DỰNG THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU TẠI THÔN..... XÃ ..... HUYỆN.....

(Kèm theo Hướng dẫn số: 982/HD-SNN ngày 10/8/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung thực hiện để đạt tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu	Khối lượng			Tổng nhu cầu kinh phí (Tr.đồng)	Trong đó (Tr.đồng)						Phân công chỉ đạo	Đơn vị thực hiện
			ĐVT	Số lượng	Thời gian hoàn thành		NS TW, tỉnh	NS huyện, TP	NS xã	Người dân	Lồng ghép	Nguồn khác		
1	Giao thông	1.1. Đường trục thôn												
		- Số km đường trục thôn cần cứng hóa	Km	2	Tháng 10/2018	1000		100	300		300	300	Ông Nguyễn Văn A_Trưởng thôn	Ban Phát triển và nhân dân
		- Số km đường trục thôn cần tuyên truyền vận động người dân hiến đất đảm bảo mặt đường rộng tối thiểu 3,5m												
		- Số km đường trục thôn trong khu đông dân cư cần lắp điện chiếu sáng												
		- Số km đường trục thôn cần được xanh hóa (cây bóng mát, trồng hoa, cây xanh cắt tỉa gọn đẹp)												
		- Số km mương thoát nước cần xây dựng, cải tạo để đảm bảo thoát nước												
		- Số tuyến đường giao thông cần giao cho các tổ tự quản, hộ gia đình tự quản												
		1.2. Đường ngõ, xóm												
		- Số km đường ngõ, xóm cần cứng hóa												

TT	Tên tiêu chí	Nội dung thực hiện để đạt tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu	Khối lượng			Tổng nhu cầu kinh phí (Tr.đồng)	*Trong đó (Tr.đồng)*						Phân công chỉ đạo	Đơn vị thực hiện
			ĐVT	Số lượng	Thời gian hoàn thành		NS TW, tỉnh	NS huyện, TP	NS xã	Người dân	Lồng ghép	Nguồn khác		
		- Số km đường ngõ, xóm cần tuyên truyền vận động người dân hiến đất đảm bảo mặt đường rộng tối thiểu 2,5m												
		- Số km đường ngõ xóm cần lắp điện chiếu sáng												
		- Số tuyến đường giao thông cần giao cho các tổ tự quản, hộ gia đình tự quản												
2	Vệ sinh môi trường	- Đường trục thôn, ngõ, xóm, nhà văn hóa thôn, từng hộ gia đình cần được vệ sinh sạch sẽ												
		- Thành lập tổ vệ sinh môi trường												
		- Số hộ cần thùng đựng rác để phân loại rác thải từ hộ gia đình												
		- Số thùng đựng rác để dọc tuyến đường												
		- Xây dựng khu thu gom rác tập trung												
		- Xóa bỏ điểm tồn lưu rác thải												
		- Hệ thống thoát nước, kênh mương, ao, hồ cần được khơi thông												
		- Hàng tuần tổ chức tối thiểu 01 lần làm vệ sinh chung toàn thôn												
		- Số hộ gia đình cần tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường												
		- Số hội viên hội phụ nữ cần thực hiện hiệu quả cuộc vận động gia đình "5 không, 3 sạch"												

TT	Tên tiêu chí	Nội dung thực hiện để đạt tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu	Khối lượng			Tổng nhu cầu kinh phí (Tr.đồng)	*Trong đó (Tr.đồng)*						Phân công chỉ đạo	Đơn vị thực hiện
			ĐVT	Số lượng	Thời gian hoàn thành		NS TW, tỉnh	NS huyện, TP	NS xã	Người dân	Lồng ghép	Nguồn khác		
3	Phát triển sản xuất	- Số mô hình cần xây dựng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm												
		- Số hộ cần xây dựng mô hình sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản...) thu nhập bình quân trên 100 triệu đồng/năm												
		- Số hộ nghèo cần giảm trong năm												
4	Nhà ở và vườn hộ gia đình	4.1. Nhà ở và công trình phụ trợ												
		- Số hộ cần sắp xếp đồ đạc, vật dụng trong nhà gọn gàng, ngăn nắp, khoa học												
		- Số công trình phụ trợ (bếp ăn, nhà tắm, công trình vệ sinh) cần di dời, xây dựng mới để đảm bảo hợp mỹ quan, gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện sinh hoạt												
		- Số chuồng trại chăn nuôi cần di dời để đảm bảo cách xa nhà ở (không nằm ở 2 bên từ cổng vào nhà)												
		- Số chuồng trại chăn nuôi cần xây dựng hầm biogas hoặc chế phẩm sinh học sử lý mùi												
		- Số hộ cần được cứng hóa đường vào nhà; số hộ cần dựng khung giàn trồng các loại cây leo có giá trị kinh tế, trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa, cây cảnh hai bên đường vào nhà												

TT	Tên tiêu chí	Nội dung thực hiện để đạt tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu	Khối lượng			Tổng nhu cầu kinh phí (Tr.đồng)	*Trong đó (Tr.đồng)*						Phân công chỉ đạo	Đơn vị thực hiện
			ĐVT	Số lượng	Thời gian hoàn thành		NS TW, tỉnh	NS huyện, TP	NS xã	Người dân	Lồng ghép	Nguồn khác		
		4.2. Vườn hộ gia đình												
		- Số vườn hộ cần vẽ quy hoạch 2D, 3D												
		- Số hộ cần áp dụng tiến bộ KHKT												
		- Số hộ cần chỉnh trang, sắp xếp lại vườn hộ												
		- Số vườn hộ có sản phẩm từ vườn cần đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm												
5	Nhà văn hóa, Khu thể thao thôn	5.1. Nhà văn hóa thôn												
		- Nhà văn hóa thôn cần xây dựng mới hoặc cải tạo nâng cấp												
		- Số bàn ghế, trang thiết bị phục vụ họp, văn hóa, văn nghệ cần mua, nâng cấp												
		- Công trình vệ sinh cần xây dựng đảm bảo sạch sẽ												
		- Số pano tuyên truyền về thôn nông thôn mới cần lắp đặt												
		- Số lượng giống cây bóng mát, hoa, cây xanh hoặc chậu hoa, bồn cây cần xây trồng tại nhà văn hóa thôn												
		- Tường rào, cổng nhà văn hóa thôn cần xây dựng												

TT	Tên tiêu chí	Nội dung thực hiện để đạt tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu	Khối lượng			Tổng nhu cầu kinh phí (Tr.đồng)	*Trong đó (Tr.đồng)*						Phân công chỉ đạo	Đơn vị thực hiện
			ĐVT	Số lượng	Thời gian hoàn thành		NS TW, tỉnh	NS huyện, TP	NS xã	Người dân	Lồng ghép	Nguồn khác		
		5.2. Khu thể thao thôn												
		- Khu thể thao thôn cần xây dựng hoặc cải tạo nâng cấp												
		- Số lượng giống cây bóng mát, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp cần trồng xung quanh khu thể thao thôn												
		- Số dụng cụ luyện tập thể thao cần trang bị												
6	Văn hóa, y tế	6.1. Văn hóa												
		- Số hộ gia đình cần đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa												
		- Số năm thôn cần đạt danh hiệu Thôn văn hóa												
		- Thành lập câu lạc bộ (đội, nhóm) văn nghệ, thể thao												
		- Số hộ gia đình cần thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội												
		6.2. Y tế												
		- Số người dân cần tham gia BHYT												
		- Số người mắc bệnh xã hội cần giảm trong năm xét công nhận												

TT	Tên tiêu chí	Nội dung thực hiện để đạt tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu	Khối lượng			Tổng nhu cầu kinh phí (Tr.đồng)	*Trong đó (Tr.đồng)*						Phân công chỉ đạo	Đơn vị thực hiện
			ĐVT	Số lượng	Thời gian hoàn thành		NS TW, tỉnh	NS huyện, TP	NS xã	Người dân	Lồng ghép	Nguồn khác		
7	Hệ thống chính trị, An ninh trật tự xã hội	- Số năm Chi bộ thôn cần đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh												
		- Số năm an ninh trật tự tại thôn cần được đảm bảo												
		- Thành lập mô hình tự quản bảo vệ an ninh trật tự												
		- Số người dân cần chấp hành nghiêm pháp luật, quy ước, hương ước của địa phương, không có cá nhân bị phê bình, cảnh cáo trước nhân dân												

BAN PHÁT TRIỂN THÔN

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHỤ LỤC II

Mẫu số 01. Mẫu đăng ký thôn nông thôn mới kiểu mẫu

(Kèm theo Hướng dẫn số 982 /HD-SNN ngày 10 /8/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

BAN PHÁT TRIỂN THÔN.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐĂNG KÝ THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU NĂM.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

Căn cứ Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh về quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và thẩm quyền xét, công nhận, công bố thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Tính đến tháng ..... năm ....., thôn ..... có số tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu đã đạt chuẩn theo quy định là...../.....(tổng số) tiêu chí và có đủ điều kiện phấn đấu thôn nông thôn mới kiểu mẫu trong năm .....

Trên cơ sở khối lượng và tiến độ thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thôn, Ban phát triển thôn ....., xã..... đăng ký và cam kết thực hiện hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định trong năm ..... để được công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

Kính đề nghị Uỷ ban nhân dân xã....., huyện (thành phố) ..... xem xét, xác nhận./.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ ..... **CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*	**TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN** **TRƯỞNG THÔN** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: Nếu Trưởng Ban phát triển thôn là Bí thư thôn thì ký công văn sẽ là Bí thư thôn.

Mẫu số 02. Mẫu Đề nghị kiểm tra thôn nông thôn mới kiểu mẫu

(Kèm theo Hướng dẫn số 982 /HD-SNN ngày 10 /8/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

BAN PHÁT TRIỂN THÔN.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	....., ngày ..... tháng ..... năm .....

ĐỀ NGHỊ

Về việc kiểm tra kết quả thực hiện các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu thôn....., xã.....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã....., huyện (thành phố).....

Căn cứ Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh về quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và thẩm quyền xét, công nhận, công bố thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Phương án thực hiện thôn nông thôn mới kiểu mẫu và Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thôn của Ban phát triển thôn;

Ban phát triển thôn ..... đề nghị UBND xã ..... kiểm tra kết quả thực hiện các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu thôn....., xã.....

Hồ sơ kèm theo, gồm có: Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thôn (kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí thôn nông thôn mới).

Kính đề nghị UBND xã ....., huyện (thành phố .....) xem xét, kiểm tra./.

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG THÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Nếu Trưởng Ban phát triển thôn là Bí thư thôn thì ký công văn sẽ là Bí thư thôn.

Mẫu số 03. Mẫu Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu

(Kèm theo Hướng dẫn số 982/HD-SNN ngày 10/8/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

BAN PHÁT TRIỂN THÔN.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-BPTT	*....., ngày ..... tháng ..... năm .....*

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu năm .....
của thôn ....., xã ....., huyện .....

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội..... của thôn, bản

2. Thuận lợi

3. Khó khăn

II. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu

Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương, tỉnh ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Ngân sách huyện ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Ngân sách xã ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Nhân dân đóng góp ..... triệu đồng, chiếm .....%.
- Vốn khác ..... triệu đồng, chiếm .....%

III. Kết quả thực hiện các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu

Tổng số tiêu chí thôn tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định là ...../.....(tổng số) tiêu chí, đạt .....%, cụ thể:

1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Thực hiện của thôn, bản:

- Kết quả thực hiện: .....;

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Đạt (không đạt) (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Thực hiện của thôn, bản:

- Kết quả thực hiện: .....
.....;

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Đạt (không đạt) (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số ..... về .....

3. Một số mô hình mẫu của thôn

VI. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

4. Phương hướng thời gian tới

5. Đề xuất, kiến nghị

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG THÔN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Nếu Trưởng Ban phát triển thôn là Bí thư thôn thì ký công văn sẽ là Bí thư thôn.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

Thôn ....., xã ....., huyện.....

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BPTT ngày / / của Ban Phát triển thôn.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của thôn
1	Giao thông	1.1. Đường trục thôn				
		- Tỷ lệ km đường trục thôn được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa), mặt đường rộng tối thiểu 3,5 m, trường hợp hiện trạng không thể mở rộng theo quy định thì thực hiện theo thực tế nhưng phải bố trí điểm tránh xe thuận lợi dọc tuyến	%	100		
		- Tỷ lệ km đường trục thôn trong khu đông dân cư có điện chiếu sáng	%	100		
		- Tỷ lệ km đường trục thôn được xanh hóa (trồng cây bóng mát, trồng hoa, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp)	%	≥ 50		
		- Tỷ lệ km đường trục thôn trong khu đông dân cư có rãnh thoát nước dọc hoặc đảm bảo thoát nước tốt không gây ứ đọng	%	100		
		- Các tuyến đường trục thôn được giao cho các tổ chức đoàn thể hoặc hộ gia đình đảm nhận tự quản để thực hiện quét dọn, phát quang, vệ sinh sạch sẽ thường xuyên		Đạt		
		1.2. Đường ngõ, xóm				
		- 90% đường ngõ, xóm được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa), mặt đường rộng tối thiểu 2,5 m; còn lại mặt đường sạch, không lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của thôn
		- Tỷ lệ km đường ngõ xóm có điện chiếu sáng	%	≥ 90		
		- Các tuyến đường ngõ, xóm được giao cho các tổ tự quản, hộ gia đình để giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo sạch đẹp		Đạt		
2	Vệ sinh môi trường	2.1. Đường trục thôn, ngõ, xóm, nhà văn hóa thôn, từng hộ gia đình thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp		Đạt		
		2.2. Có tổ vệ sinh môi trường hoạt động hiệu quả; rác thải được phân loại ngay từ hộ gia đình (rác hữu cơ - vô cơ); đổ rác đúng nơi và thời gian quy định, không có tình trạng vứt rác thải ra nơi công cộng; rác thải được thu gom, vận chuyển về nơi xử lý tập trung; không có điểm tồn lưu rác thải		Đạt		
		2.3. Hệ thống thoát nước, kênh mương, ao, hồ thường xuyên được khơi thông, luôn sạch rác thải		Đạt		
		2.4. Hàng tuần tổ chức tối thiểu 01 lần làm vệ sinh chung toàn thôn (đường làng, ngõ xóm, nhà văn hóa, khu thể thao thôn, chỉnh trang hàng rào, cây xanh ven đường)		Đạt		
		2.5. 100% hộ gia đình đều có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường; 100% hội viên hội phụ nữ thực hiện có hiệu quả cuộc vận động gia đình "5 không, 3 sạch"		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của thôn
3	Phát triển sản xuất	3.1. Có tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm		Đạt		
		3.2. Có tối thiểu 10% số hộ trong thôn có mô hình sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản...) thu nhập bình quân trên 100 triệu đồng/năm		Đạt		
		3.3. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn thôn theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	%	≤ 4		
4	Nhà ở và vườn hộ gia đình	4.1. Nhà ở và công trình phụ trợ				
		- Đồ đạc, vật dụng trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học		Đạt		
		- Các công trình phụ trợ (bếp ăn, nhà tắm, công trình vệ sinh) được bố trí hợp mỹ quan, gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện sinh hoạt, thường xuyên được quét dọn vệ sinh sạch sẽ		Đạt		
		- Tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi cách xa nhà ở (không nằm ở 2 bên từ cổng vào nhà), có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học đảm bảo không có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường	%	≥ 90		
		- Đường vào nhà được cứng hóa hoặc đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa, được quét dọn hàng ngày, khuyến khích dựng khung giàn trồng các loại cây leo có giá trị kinh tế, trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa, cây cảnh hai bên đường vào nhà		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của thôn
		4.2. Vườn hộ gia đình				
		- Vườn hộ gia đình có quy hoạch và trồng các cây trồng thích hợp phục vụ sinh hoạt, cảnh quan hoặc sản xuất hàng hóa cho thu nhập cao; không để diện tích bỏ hoang, thường xuyên phát dọn, không còn các loại cây dại, tạp	%	≥ 90		
		- Sản phẩm từ vườn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm		Đạt		
5	Nhà văn hóa, Khu thể thao thôn	5.1. Nhà văn hóa thôn				
		- Nhà văn hóa thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch; có đủ bàn ghế, trang thiết bị phục vụ họp, văn hóa, văn nghệ; có công trình vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo tiêu chuẩn		Đạt		
		- Bên trong và khuôn viên nhà văn hóa thôn được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ; có quy chế quản lý, sử dụng nhà văn hóa thôn, có nội quy, quy ước, pano tuyên truyền nông thôn mới		Đạt		
		- Khuôn viên nhà văn hóa thôn có trồng cây xanh, cây bóng mát, hoa; nhà văn hóa thôn có tường rào, cổng, khuyến khích hàng rào bằng cây xanh, cây bóng mát hoặc hàng rào khác phủ cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của thôn
		5.2. Khu thể thao thôn				
		- Khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch		Đạt		
		- Trồng cây bóng mát, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp xung quanh khu thể thao thôn		Đạt		
		- Có trang bị dụng cụ luyện tập thể thao đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi				
6	Văn hóa, y tế	6.1. Văn hóa				
		- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa	%	≥ 95		
		- Thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn văn hóa 05 năm liên tục đến năm xét, công nhận		Đạt		
		Có câu lạc bộ (đội, nhóm) văn nghệ, thể thao hoạt động thường xuyên; tối thiểu 80% số hộ, hội viên, đoàn viên tham gia các phong trào, hoạt động cộng đồng do địa phương phát động		Đạt		
		100% hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội		Đạt		
		6.2. Y tế				
		- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	100		
		- Không phát sinh thêm đối tượng mắc bệnh xã hội trong năm xét công nhận		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của thôn
7	Hệ thống chính trị, An ninh trật tự xã hội	7.1. Chi bộ thôn đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh 05 năm liên tiếp đến năm xét, công nhận		Đạt		
		7.2. Trong 02 năm liên tục (tính đến thời điểm xét, công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu) an ninh trật tự được đảm bảo, không có vụ việc hình sự xảy ra, không có cá nhân hoạt động chống đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái phép, tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; có mô hình tự quản bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả		Đạt		
		7.3. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm pháp luật, quy ước, hương ước của địa phương, không có cá nhân bị phê bình, cảnh cáo trước nhân dân trong năm xét công nhận	%	≥ 90		

Dấu của MTTQ

Mẫu số 04: Phiếu đánh giá

(Kèm theo Hướng dẫn số 982/HD-SNN ngày 10/8/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

Sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại thôn.....

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.....kính mong nhận được sự hợp tác của Ông (bà) thông qua việc trả lời đầy đủ, khách quan các câu hỏi sau đây. Xin trân trọng cảm ơn Ông (bà)!

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Họ và tên: .....
2. Sinh năm: .....
3. Địa chỉ:.....

II. ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI DÂN VỀ XÂY DỰNG THÔN NTM KIỂU MẪU

(Đánh dấu **X** *vào cột được lựa chọn và chỉ chọn 01 phương án trả lời)*

TT	Nội dung	Hài lòng	Không hài lòng	Không ý kiến
1	Hệ thống đường giao thông tại địa phương phục vụ nhu cầu đi lại, sản xuất, kết nối thị trường, tiêu thụ sản phẩm			
2	Hệ thống đường giao thông đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp			
3	Cảnh quan, không gian sinh sống của người dân có chuyển biến tích cực			
4	Công tác thu gom, phân loại, xử lý rác thải hạn chế ô nhiễm môi trường ở địa phương và ý thức tham gia của người dân nâng lên			
5	Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập			
6	Việc sắp xếp đồ đạc, vật dụng trong nhà, công trình phụ trợ, chuồng trại chăn nuôi đảm bảo ngăn nắp, gọn gàng, hợp vệ sinh			

TT	Nội dung	Hài lòng	Không hài lòng	Không ý kiến
7	Vườn hộ được chỉnh trang, không có cây tạp, thu nhập từ vườn hộ có tăng thêm			
8	Nhà văn hóa, khu thể thao thôn được chỉnh trang, sắp xếp gọn gang, xanh hóa, có công trình vệ sinh sạch sẽ			
9	Các hoạt động văn hóa, văn nghệ thu hút đông đảo người dân tham gia			
10	Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân được nâng lên			
11	Tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội ở địa phương ổn định			
12	Vai trò chỉ đạo, quản lý của Chi bộ, Ban phát triển thôn và công tác tuyên truyền, vận động, giám sát của Ban công tác mặt trận, đoàn thể trong xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu chuyển biến tích cực			
13	**Sự hài lòng của ông (bà) đối với kết quả chung về xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu tại địa phương**			

Ngày..... tháng..... . năm.....

TRƯỞNG THÔN	**NGƯỜI PHÁT PHIẾU**	**NGƯỜI TRẢ LỜI**
(Kí, ghi rõ họ tên)	*(Kí, ghi rõ họ tên)*	*(Kí, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 05. Tờ trình đề nghị thẩm định thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu

(Kèm theo Hướng dẫn số 982/HD-SNN ngày 10/8/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ .....**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-UBND	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

TỜ TRÌNH

Về việc thẩm định, đề nghị xét công nhận thôn.....
đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện ....., tỉnh .....

Căn cứ Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh về quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và thẩm quyền xét, công nhận, công bố thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ Báo cáo số ...../BC-UBND ngày ...../...../20..... của UBND xã ..... về kiểm tra, đánh giá kết quả mức độ đạt từng tiêu chí của thôn.....;

UBND xã ..... kính trình UBND huyện ..... thẩm định, đề nghị xét công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Báo cáo..... kiểm tra, đánh gia kết quả mức độ đạt từng tiêu chí của thôn (bản chính - kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu);

2. Hồ sơ của thôn, bản đề nghị UBND xã kiểm tra, đánh giá;

Kính đề nghị UBND huyện ..... (tỉnh .....) xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận: - Như trên; - .....; - .....; - Lưu: VT, ...	**TM. UBND XÃ .....** **CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 06. Mẫu Báo cáo kiểm tra thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu

(Kèm theo Hướng dẫn số 982/HD-SNN ngày 10/8/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ .....**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-UBND	*....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

BÁO CÁO

Kiểm tra hồ sơ và đánh giá kết quả mức độ đạt từng tiêu chí của thôn, bản..... năm .....

Căn cứ Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của UBND tỉnh về quy định Bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và thẩm quyền xét, công nhận, công bố thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương);

Căn cứ đề nghị của Ban phát triển thôn về việc kiểm tra kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu thôn....., xã.....

Căn cứ kết quả kiểm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thôn...., UBND xã..... báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu cho thôn..... năm ..... cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ KIỂM TRA

Thời gian kiểm tra (từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu

2.1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Thực hiện của thôn, bản:

- Kết quả thực hiện: .....
.....;

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Đạt (không đạt) (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số …….. về ……

a) Yêu cầu của tiêu chí: ……

b) Thực hiện của thôn, bản:

- Kết quả thực hiện: .....

.....;

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Đạt (không đạt) (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số …….. về ……

.....

3. Một số mô hình mẫu của thôn

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

.....

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của thôn .....đã được UBND xã ..... kiểm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm kiểm tra là: ...../7 tiêu chí, đạt .....%.

- .....

III. KIẾN NGHỊ

..... .

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...

TM. UBND XÃ .....
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

Thôn ....., xã ....., huyện.....

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / / của UBND xã.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả kiểm tra của xã
1	Giao thông	1.1. Đường trục thôn				
		- Tỷ lệ km đường trục thôn được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa), mặt đường rộng tối thiểu 3,5 m, trường hợp hiện trạng không thể mở rộng theo quy định thì thực hiện theo thực tế nhưng phải bố trí điểm tránh xe thuận lợi dọc tuyến	%	100		
		- Tỷ lệ km đường trục thôn trong khu đông dân cư có điện chiếu sáng	%	100		
		- Tỷ lệ km đường trục thôn được xanh hóa (trồng cây bóng mát, trồng hoa, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp)	%	≥ 50		
		- Tỷ lệ km đường trục thôn trong khu đông dân cư có rãnh thoát nước dọc hoặc đảm bảo thoát nước tốt không gây ứ đọng	%	100		
		- Các tuyến đường trục thôn được giao cho các tổ chức đoàn thể hoặc hộ gia đình đảm nhận tự quản để thực hiện quét dọn, phát quang, vệ sinh sạch sẽ thường xuyên		Đạt		
		1.2. Đường ngõ, xóm				
		- 90% đường ngõ, xóm được cứng hóa (nhựa hóa, bê tông hóa), mặt đường rộng tối thiểu 2,5 m; còn lại mặt đường sạch, không lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả kiểm tra của xã
		- Tỷ lệ km đường ngõ xóm có điện chiếu sáng	%	≥ 90		
		- Các tuyến đường ngõ, xóm được giao cho các tổ tự quản, hộ gia đình để giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo sạch đẹp		Đạt		
2	Vệ sinh môi trường	2.1. Đường trục thôn, ngõ, xóm, nhà văn hóa thôn, từng hộ gia đình thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp		Đạt		
		2.2. Có tổ vệ sinh môi trường hoạt động hiệu quả; rác thải được phân loại ngay từ hộ gia đình (rác hữu cơ - vô cơ); đổ rác đúng nơi và thời gian quy định, không có tình trạng vứt rác thải ra nơi công cộng; rác thải được thu gom, vận chuyển về nơi xử lý tập trung; không có điểm tồn lưu rác thải		Đạt		
		2.3. Hệ thống thoát nước, kênh mương, ao, hồ thường xuyên được khơi thông, luôn sạch rác thải		Đạt		
		2.4. Hàng tuần tổ chức tối thiểu 01 lần làm vệ sinh chung toàn thôn (đường làng, ngõ xóm, nhà văn hóa, khu thể thao thôn, chỉnh trang hàng rào, cây xanh ven đường)		Đạt		
		2.5. 100% hộ gia đình đều có ý thức và tham gia bảo vệ cảnh quan môi trường và ký cam kết không gây ô nhiễm môi trường; 100% hội viên hội phụ nữ thực hiện có hiệu quả cuộc vận động gia đình "5 không, 3 sạch"		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả kiểm tra của xã
3	Phát triển sản xuất	3.1. Có tối thiểu 01 mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm		Đạt		
		3.2. Có tối thiểu 10% số hộ trong thôn có mô hình sản xuất (trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản...) thu nhập bình quân trên 100 triệu đồng/năm		Đạt		
		3.3. Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn thôn theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	%	≤ 4		
4	Nhà ở và vườn hộ gia đình	4.1. Nhà ở và công trình phụ trợ				
		- Đồ đạc, vật dụng trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học		Đạt		
		- Các công trình phụ trợ (bếp ăn, nhà tắm, công trình vệ sinh) được bố trí hợp mỹ quan, gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện sinh hoạt, thường xuyên được quét dọn vệ sinh sạch sẽ		Đạt		
		- Tỷ lệ hộ có chuồng trại chăn nuôi cách xa nhà ở (không nằm ở 2 bên từ cổng vào nhà), có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học đảm bảo không có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường	%	≥ 90		
		- Đường vào nhà được cứng hóa hoặc đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa, được quét dọn hàng ngày, khuyến khích dựng khung giàn trồng các loại cây leo có giá trị kinh tế, trồng hàng rào cây xanh, trồng hoa, cây cảnh hai bên đường vào nhà		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả kiểm tra của xã
		4.2. Vườn hộ gia đình				
		- Vườn hộ gia đình có quy hoạch và trồng các cây trồng thích hợp phục vụ sinh hoạt, cảnh quan hoặc sản xuất hàng hóa cho thu nhập cao; không để diện tích bỏ hoang, thường xuyên phát dọn, không còn các loại cây dại, tạp	%	≥ 90		
		- Sản phẩm từ vườn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm		Đạt		
5	Nhà văn hóa, Khu thể thao thôn	5.1. Nhà văn hóa thôn				
		- Nhà văn hóa thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch; có đủ bàn ghế, trang thiết bị phục vụ họp, văn hóa, văn nghệ; có công trình vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo tiêu chuẩn		Đạt		
		- Bên trong và khuôn viên nhà văn hóa thôn được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ; có quy chế quản lý, sử dụng nhà văn hóa thôn, có nội quy, quy ước, pano tuyên truyền nông thôn mới		Đạt		
		- Khuôn viên nhà văn hóa thôn có trồng cây xanh, cây bóng mát, hoa; nhà văn hóa thôn có tường rào, cổng, khuyến khích hàng rào bằng cây xanh, cây bóng mát hoặc hàng rào khác phủ cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả kiểm tra của xã
		5.2. Khu thể thao thôn				
		- Khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, thể thao và du lịch		Đạt		
		- Trồng cây bóng mát, cây xanh được cắt tỉa gọn đẹp xung quanh khu thể thao thôn		Đạt		
		- Có trang bị dụng cụ luyện tập thể thao đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi				
6	Văn hóa, y tế	6.1. Văn hóa				
		- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa	%	≥ 95		
		- Thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu Thôn văn hóa 05 năm liên tục đến năm xét, công nhận		Đạt		
		Có câu lạc bộ (đội, nhóm) văn nghệ, thể thao hoạt động thường xuyên; tối thiểu 80% số hộ, hội viên, đoàn viên tham gia các phong trào, hoạt động cộng đồng do địa phương phát động		Đạt		
		100% hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội		Đạt		
		6.2. Y tế				
		- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	100		
		- Không phát sinh thêm đối tượng mắc bệnh xã hội trong năm xét công nhận		Đạt		

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của thôn	Kết quả kiểm tra của xã
7	Hệ thống chính trị, An ninh trật tự xã hội	7.1. Chi bộ thôn đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh 05 năm liên tiếp đến năm xét, công nhận		Đạt		
		7.2. Trong 02 năm liên tục (tính đến thời điểm xét, công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu) an ninh trật tự được đảm bảo, không có vụ việc hình sự xảy ra, không có cá nhân hoạt động chống đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái phép, tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; có mô hình tự quản bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả		Đạt		
		7.3. Tỷ lệ người dân chấp hành nghiêm pháp luật, quy ước, hương ước của địa phương, không có cá nhân bị phê bình, cảnh cáo trước nhân dân trong năm xét công nhận	%	≥ 90		

Mẫu số 07. Giấy công nhận "Thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu"
(Kèm theo Hướng dẫn số 982/HD-SNN ngày 10/8/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

(Quốc huy)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/THÀNH PHỐ .....

CÔNG NHẬN

Thôn ....., xã ....., huyện .....

Đạt chuẩn "Thôn nông thôn mới kiểu mẫu tiêu biểu về..." năm...

Quyết định số: ...../QĐ-UBND ngày .../.../...
Vào Sổ số: ...../QĐ-UBND

....., ngày .... tháng ..... năm .....
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn A

Ghi chú:

1. Kích thước:
- Chiều dài: 450 mm, chiều rộng: 350 mm.
- Hoa văn bên trong: chiều dài 365 mm, chiều rộng 270 mm.

2. Chất liệu và định lượng: Giấy trắng, định lượng: 150g/m^2.

3. Hình thức: Xung quanh trang trí hoa văn màu, chính giữa phía trên in Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1).

4. Nội dung:
- Dòng 1, 2: Quốc hiệu (2).

Quốc hiệu:
+ Dòng chữ: "Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" (chữ in đậm, màu đen).
+ Dòng chữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" (chữ thường, đậm, màu đen).

Khoảng trống

- Dòng 3: Thẩm quyền quyết định (3) (chữ in, màu đỏ).
- Dòng 4: Công nhận … (4) (chữ in, màu đen).
- Dòng 5: Tên Thôn, xã, huyện, tỉnh (5) (chữ in, màu đỏ).
- Dòng 6: Đạt chuẩn "Thôn nông thôn mới kiểu mẫu tiêu biểu về…" năm …. (6) (chữ thường, màu đen)

Khoảng trống

- Dòng 7 (Chữ thường, màu đen):
+ Bên trái: Quyết định số, ngày, tháng, năm (7)
+ Bên phải: Địa danh, ngày, tháng, năm (8)
- Dòng 8 (Chữ thường, màu đen)
+ Bên trái: Số sổ vàng (9)
+ Bên phải: Thẩm quyền ký (10)

Khoảng trống (3,5 cm): chữ ký, dấu

- Dòng 9 (Chữ thường, màu đen): Họ và tên người ký quyết định (11).

Cỡ chữ trong nội dung, đơn vị tự quy định cho phù hợp, đảm bảo hình thức đẹp, trang trọng.